

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2017/HSST

Ngày: 25/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khiêm

2. Bà Hà Hồng Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bế Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 211/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1992 tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể Ban chỉ huy quân sự, đường N, khối 11, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Trú tại: Số 166, đường T, khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Trình độ văn hóa: 9/12 . Nghề nghiệp: Không;

Con ông: Nguyễn Xuân T và bà Lý Thị K;

Chồng: Vũ Quang H, sinh năm 1990;

Con: Có 01 con sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 19/9/2017, tạm giam ngày 22/9/2017 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Có mặt.

2. Lê Đình H (tên gọi khác: D), sinh năm 1994 tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Chỗ ở: Số 166, đường T, khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Trình độ văn hóa: 12/12 . Nghề nghiệp: Không;

Con ông: Lê Đình H và bà Trần Thị N;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 19/9/2017, tạm giam ngày 22/9/2017 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu P và Lê Đình H (tên gọi khác: D) bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 18/9/2017, tại phòng trọ ở số nhà 166, đường T, phường T, thành phố L, tổ công tác Công an thành phố L bắt quả tang Lê Đình H đang sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Đặng Hồng H1, sinh năm 1995, trú tại: Khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Thu giữ của H 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 01 túi nilon chứa 03 viên nén màu hồng. H khai nhận số ma túy trên H mua của Nguyễn Thị Thu P trú tại phòng trọ ở số nhà 166, đường T, phường T, thành phố L.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra thi hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Thị Thu P và khám xét chỗ ở của P thu giữ:

- 01 túi ni lon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng.
- 01 túi nilon bên trong chứa chất bột màu trắng.

Ngày 19/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã gửi số ma túy thu giữ của Lê Đình H và số ma túy thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Thu P đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn để trưng cầu giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 340/PC54, ngày 22/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Chất tinh thể màu trắng và 03 viên nén màu hồng thu giữ của Lê Đình H là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 1,249 gam (đã trừ bì).
- Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị Thu P là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng 0,540 gam (đã trừ bì).
- Chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị Thu P là chất ma túy Ketamine có trọng lượng 0,492 gam (đã trừ bì).

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L Nguyễn Thị Thu P và Lê Đình H khai: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, Lê Đình H nhắn tin cho Nguyễn Thị Thu P hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá và 500.000 đồng ma túy ngựa, P đồng ý. H đi sang cửa phòng trọ của P ở số 166, đường T, phường T, thành phố L, P đưa cho H 05 viên ma túy ngựa và 01 túi ma túy đá. H nói với P sẽ trả tiền sau. Sau khi mua được ma túy, H về phòng trọ của mình (cùng dãy nhà trọ với P) lấy ma túy ra cùng với Đặng Hồng H1 sử dụng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Ngoài ra, Nguyễn Thị Thu P còn khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 12/9/2017, tại phòng trọ của mình, P bán cho Lê Đình H 01 túi ma túy đá với giá 400.000 đồng. Lời khai của P phù hợp với lời khai của H. Lê Đình H khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 12/9/2017, tại phòng trọ của P, H mua với P 01 túi ma túy đá với giá 400.000 đồng nhưng H chưa trả tiền cho P.

Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Thị Thu P khai nhận:

Túi ma túy đá bán cho Lê Đình H ngày 12/9/2017 P mua của một người phụ nữ không quen biết vào cuối tháng 8/2017 tại cổng sau chợ Đ, thành phố L. Số ma túy bán cho H ngày 18/9/2017 cùng số ma túy lực lượng Công an khám xét thu giữ, P được một người phụ nữ tên H quen biết ngoài xã hội cho. Sau khi có ma túy P đã cất giấu để sử dụng và khi H hỏi mua ma túy P đã bán cho H.

Tại bản cáo trạng số 215/KSĐT ngày 29 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 và bị cáo Lê Đình H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Thu P và Lê Đình H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, cụ thể: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, Lê Đình H nhắn tin cho Nguyễn Thị Thu P hỏi mua ma túy, P đã bán cho H 05 viên ma túy ngửa và 01 túi ma túy đá với giá 1.000.000 đồng nhưng H chưa trả tiền. Ngoài ra, khoảng 22 giờ ngày 12/9/2017, tại phòng trọ của mình, P bán cho H 01 túi ma túy đá với giá 400.000 đồng, P chưa lấy tiền.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Lê Đình H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu P từ 08 đến 09 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm b khoản 1 Điều 2; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đình H từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì các bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong mẫu vật chất ma túy còn lại sau giám định, 01 bình nhựa màu trắng có gắn vòi hút, 10 túi ni lon màu trắng, 01 hộp kim loại màu xanh, 01 ví giả da màu hồng vì không có giá trị sử dụng.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen thu giữ của Lê Đình H và 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu của Nguyễn Thị Thu P vì các bị cáo đã dùng để liên lạc mua bán ma túy.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình H số tiền 1.350.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thị Thu P 3.100.000 đồng là riêng của các bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo;

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Thu P và Lê Đình H tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, vì vậy có căn cứ để xác định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/9/2017 Nguyễn Thị Thu P đã bán cho Lê Đình H 03 viên ma túy ngửa và 01 túi ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, khi H đang tàng trữ để sử dụng thì bị bắt giữ. Kết quả giám định số ma túy Lê Đình H mua của Nguyễn Thị Thu P ngày 18/9/2017 đều là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 1,249 gam. Ngoài ra, khoảng 22 giờ ngày 12/9/2017, tại phòng trọ của mình, Nguyễn Thị Thu P còn bán cho Lê Đình H 01 túi ma túy đá (chất ma túy Methamphetamine) với giá 400.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị Thu P đã bán trái phép chất ma túy 02 lần cho Lê Đình H vào các ngày 12/9/2017 và ngày 18/9/2017.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Thu P đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Đình H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Việc truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Vì ma túy là chất gây nghiện cao, có tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người, tiêu tốn về kinh tế. Ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác.

Các bị cáo nhận thức rõ hành vi mua bán, tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm phục vụ lợi ích bất hợp pháp của bản thân.

Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu P:

Về nhân thân: Bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức về xã hội và pháp luật; chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên vẫn cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo Lê Đình H:

Về nhân thân: Bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức về xã hội và pháp luật; chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết có lợi cho người phạm tội:

Bị cáo Lê Đình H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" thuộc khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. So với cùng tội danh thì quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 mức khởi điểm và mức cao nhất của khung hình phạt đều nhẹ hơn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố cũng đủ giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung:

Tại biên bản xác minh ngày 02/10/2017 và ngày 10/10/2017 xác định: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu P và Lê Đình H đều không có nghề nghiệp và không có tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 02 gói niêm phong sau giám định đựng chất bột ma túy Methamphetamine, 01 bình nhựa màu trắng có gắn vòi hút, 10 túi ni lon màu

trắng, 01 hộp kim loại màu xanh, 01 ví giả da màu hồng là những vật Nhà nước cấm lưu hành, vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen thu giữ của Lê Đình H và 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu của Nguyễn Thị Thu P, đây là điện thoại các bị cáo đã dùng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy, vì vậy cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình H 1.350.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thị Thu P 3.100.000 đồng đã thu giữ, vì đây là tiền riêng của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Nguyễn Thị Thu P và người phụ nữ tên H cho P ma túy, do P không biết rõ danh tính, địa chỉ cụ thể của những người này, nên Cơ quan điều tra không làm rõ được để xử lý trong vụ án.

Đối với Đặng Hồng H1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác đề nghị khi giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lê Đình H (tên gọi khác: D) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu P 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 19/9/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm b khoản 1 Điều 2; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Đình H 15 (mười lăm) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 19/9/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 gói niêm phong sau giám định đựng chất bột ma túy Methamphetamine, 01 bình nhựa màu trắng có gắn vòi hút, 10 túi ni lon màu trắng, 01 hộp kim loại màu xanh vỏ ghi chữ Doublemint, 01 ví giả da màu hồng.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng, số SERIAL: 359726049805317 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 359259064333783.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình H số tiền 1.350.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thị Thu P 3.100.000 đồng.

(Vật chứng thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

(Hiện số tiền được tạm gửi tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn theo Ủy nhiệm chi ngày 20 /11/2017 của Công an thành phố L).

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thu P và Lê Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP L;
- Công an TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu A/v.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đình Sinh

